Chương 5
PHÚC LỢI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

I. Phát triển con người: mục tiêu cuối cùng của tăng trưởng và pt kinh tế

II. Các lý thuyết và mô hình về bất bình đẳng

III. Bất bình đẳng giới

IV. Vấn đề nghèo đói ở các nước đang PT

V. Học vấn

VI. Sức khoẻ

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

I. Phát triển con người: Mục tiêu cuối cùng của tăng trưởng và phát triển kinh tế

What is the meaning of growth if it is not translated into the lives of people?

(UN, Human Development Report, 1995)

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Chỉ số HDI

HDI= 1/3 (LI+EI+YI)

LI: life index; EI: education index; YI: income index

LI=(Lf-Lm) / (LM-Lm)

Lf: Tuổi thọ trung bình của cả nước

Lm: Tuổi thọ t.bình của nước xếp hạng thấp nhất TG (Lm=25)

LM: Tuổi thọ t.bình của nước xếp hạng cao nhất TG (LM=85)

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

EI= 1/3 ($2P_e + P_a$)

P_e: Tỷ lệ người lớn biết chữ

P_a: Tỷ lệ dân số đi học phổ thông đúng độ tuổi

$YI = (Y^*-Y_{min}) / (Y_{max}-Y_{min})$

Y^*: GNI/capita

Y_{min}: GNI/capita của nước xếp hạng thấp nhất TG ($100)

Y_{max}: GNI/capita của nước xếp hạng cao nhất TG ($40000)

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Câu hỏi liên quan đến HDI

1, Một nước có thứ hạng GDP bình quân đầu người là 21 và thứ hạng HDI là 28 thể hiện điều gì

2, Giá trị HDI của một nước chỉ có ý nghĩa tương đối có đúng không?

3, HDI đã phản ánh toàn diện mục tiêu phát triển con người chưa? Giải thích câu trả lời của bạn

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

- Tăng trưởng kinh tế chỉ là điều kiện cần chứ chưa phải là điều kiện đủ để cải thiện cuộc sống của đa số người dân
- Chiến lược phát triển không chỉ bao gồm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn phải quan tâm trực tiếp tới phân phối thu nhập và xóa đói giảm nghèo

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

II. Các lý thuyết và mô hình về bất bình đẳng

1. Các khái niệm cơ bản
2. Đo lường bất bình đẳng trong phân phối thu nhập
3. Các mô hình về bất bình đẳng

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

1. Các khái niệm cơ bản

- Phân phối thu nhập
- Bình đẳng
- Công bằng

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Phân phối thu nhập

Trong phạm vi một nước, phân phối thu nhập là cách mà thu nhập quốc dân của nước đó được chia cho công dân của mình

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Hai cách tiếp cận phân phối thu nhập phổ biến

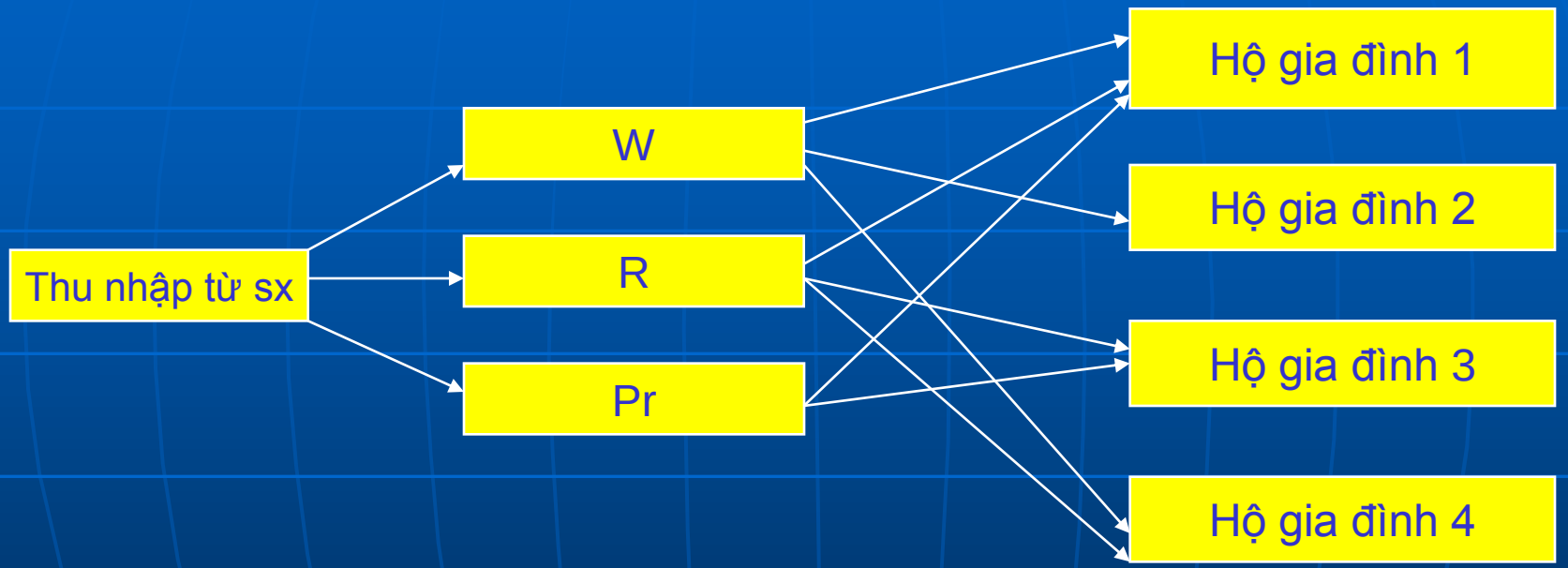

CuuDuongThanCong.com
https://fb.com/tailieudientucntt

Bình đẳng

- Bình đẳng về thu nhập là khi mọi người nhận được khoản thu nhập như nhau.
- Bình đẳng là một tiêu chuẩn ***khách quan***

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Công bằng

- Công bằng về thu nhập là khi mỗi người và mọi người nhận được mức thu nhập (hay hưởng thành quả kinh tế) xứng đáng với khả năng, nỗ lực, trình độ và sự sẵn sàng chịu rủi ro của mình.
- Công bằng là một khái niệm mang tính chủ quan (thay đổi theo không gian và thời gian)

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Bạn có chia sẻ ý kiến rằng: “Mặc dù có nhiều cách hiểu khác nhau về công bằng nhưng mọi cách hiểu đều ẩn chứa một sự công nhận rằng nên tồn tại một mức độ bất bình đẳng nhất định”

Bất bình đẳng và vấn đề động lực

Giảm bất bình đẳng và vấn đề thuế của CP

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Bất bình đẳng và bất công bằng

Từ khái niệm bình đẳng (equality) và công bằng (equity), chúng ta có khái niệm đối ngược là bất bình đẳng (inequality) và bất công bằng (inequity).

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Một số hậu quả của bất bình đẳng quá mức

- A. Smith, D. Ricardo và sự ủng hộ "bất bình đẳng"?
- Tăng trưởng, BBĐ, và nghèo đói có quan hệ mật thiết
- Người nghèo không thể đầu tư
- Chi phí phi hiệu quả "rent-seeking-activities"
- Giảm khả năng tiếp cận các nguồn lực (giáo dục, y tế) của nhiều người
- Vấn đề ổn định chính trị
- Hạn chế việc sử dụng các công cụ thị trường: vd giá xăng cao, giá điện cao..

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2. Đo lường bất bình đẳng

- Đường Lorenz
- Hệ số Gini

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Đường Lorenz

C. Lorenz xây dựng năm 1905

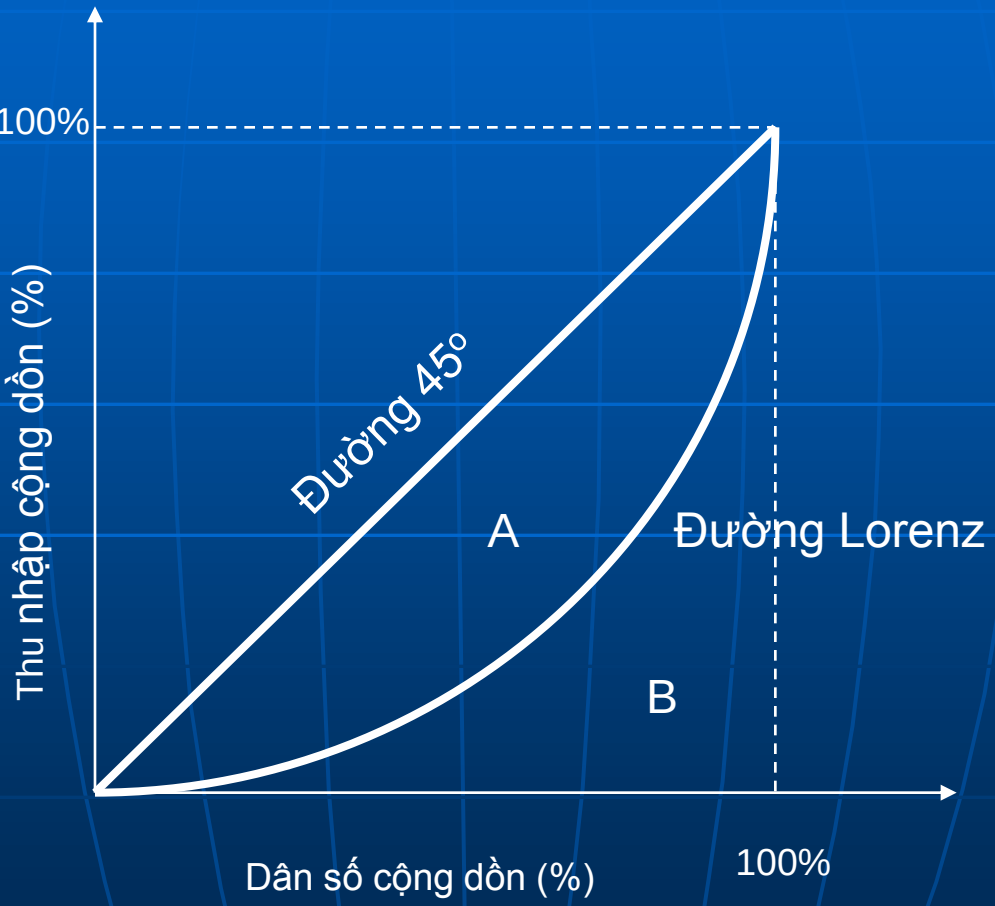

CuuDuongThanCong.com
https://fb.com/tailieudientucntt

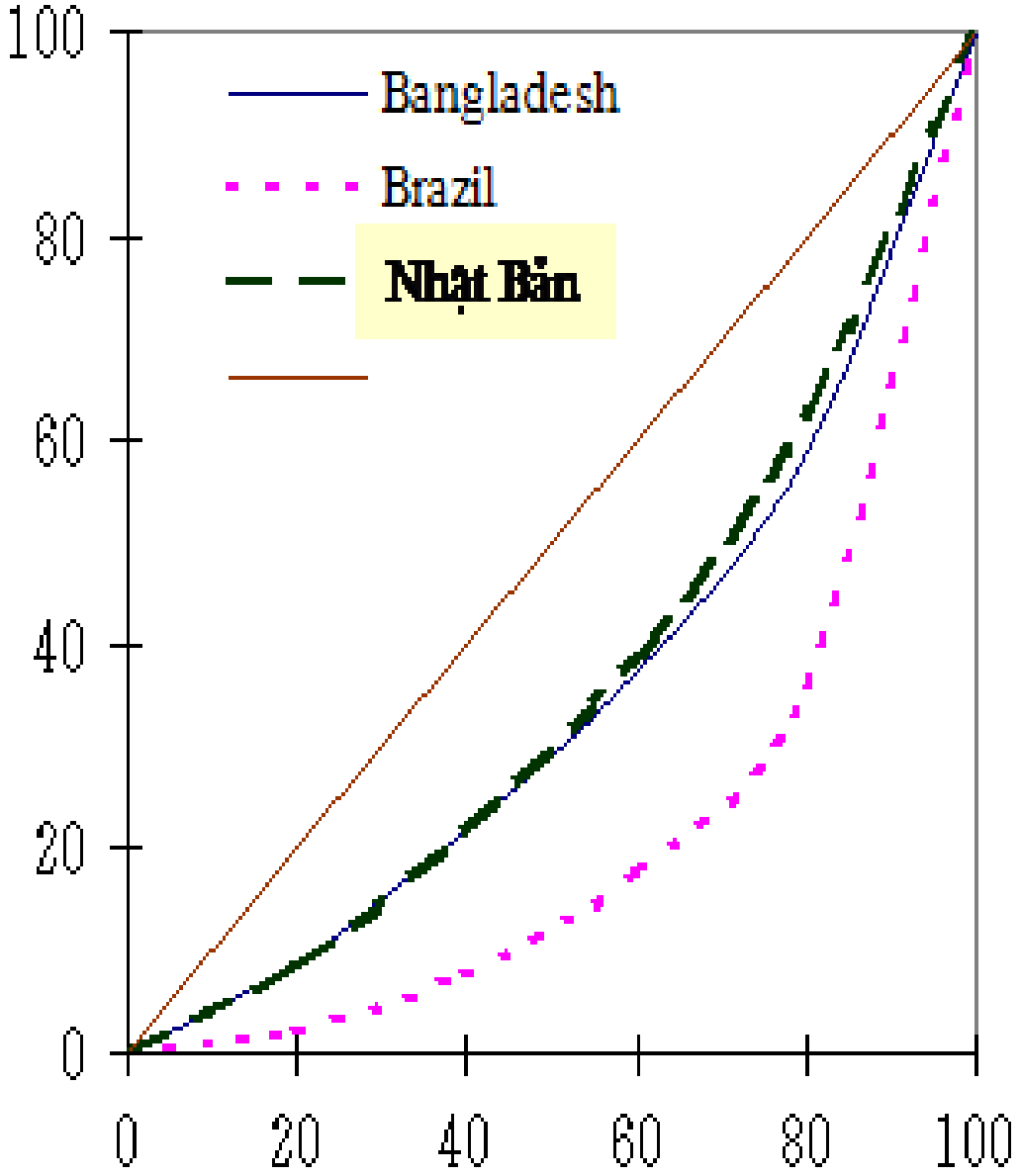

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Đặc điểm đường Lorenz

- Đường Lorenz luôn nằm dưới đường 45^0
- Đường Lorenz càng xa đường 45^0 thể hiện mức độ bất bình đẳng càng lớn
- Hạn chế của đường Lorenz: Chưa lượng hóa và so sánh được mức độ bất bình đẳng khi hai đường Lorenz cắt nhau

→ Để khắc phục, người ta dùng hệ số Gini

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Hệ số Gini

- Hệ số Gini được tính dựa trên đường Lorenz.
- Hệ số Gini = Dtích A / (Dtích A + Dtích B)
- Hệ số Gini nhận giá trị từ 0 đến 1
- Gini càng lớn: mức độ bất bình đẳng càng cao
- WB: trong thực tế 0,2<Gini<0,6. Nước có thu nhập thấp: 0,3- 0,5. Nước có thu nhập cao: 0,2-0,4.
- Hạn chế: Chưa thể hiện được sự so sánh giữa nhóm có thu nhập cao nhất và thấp nhất trong một quốc gia. (xem thêm VD trang 141-sách ĐHKTQD)

→ Kết hợp Lorenz và Gini

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tầng lớp thu nhập khác nhau	Tỷ lệ cộng dồn từ mức thấp nhất (%)			
	Tỷ lệ hộ gia đình	Thu nhập		
		Bangladesh 2000	Brazil 1998	Nhật Bản 1999
I (giàu nhất)	100	100,0	100,0	100,0
II	80	58,7	35,9	62,5
III	60	37,5	17,6	39,3
IV	40	21,6	7,6	21,7
V (nghèo nhất)	20	9,0	2,2	8,4
Hệ số Gini		**0,32**	**0,61**	**0,30**

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

III. Các mô hình về bất bình đẳng và tăng trưởng kinh tế

1. Mô hình chữ U ngược của S.Kuznets
2. Mô hình tăng trưởng trước, bình đẳng sau của A. Lewis
3. Mô hình tăng trưởng đi đôi với bình đẳng của H. Oshima
4. Mô hình phân phối lại cùng với tăng trưởng kinh tế của WB

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2.3.1 Mô hình chữ U ngược của S.Kuznets

Giả thuyết: bbđ tăng lên ở giai đoạn đầu và giảm ở giai đoạn sau, khi lợi ích của tăng trưởng lan tỏa rộng hơn.

Một số nghiên cứu đã kiểm chứng giả thuyết

Trong slide 18, Nhật Bản và Bangladesh có mức độ bất bình đẳng tương tự như nhau?

CuuDuongThanCong.com
https://fb.com/tailieudientucntt

Alonso's Bell Shaped Model

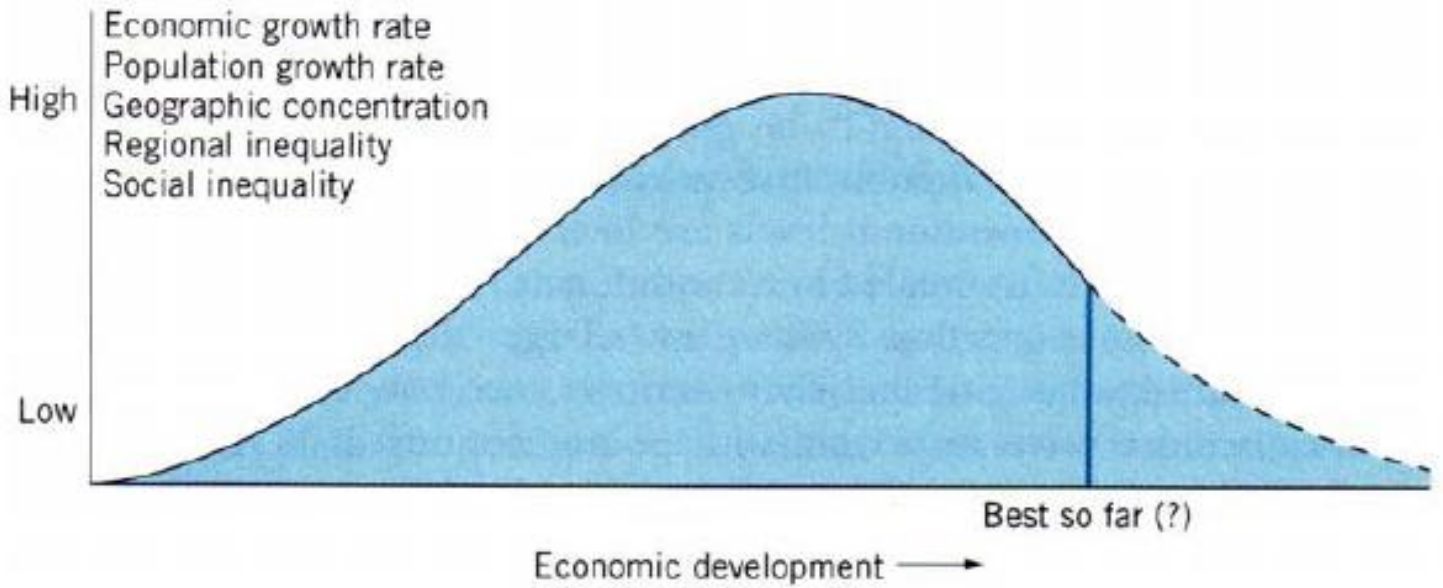

Figure 11.7 Five characteristics of a society tend to follow a bell-shaped track during the process of economic growth. Together, the change in these characteristics may be considered the process of economic development. This process is not fully complete in any country. SOURCE William Alonso, 1980: "Five Bell Shapes in Development," *Papers of the Regional Science Association*, Vol. 45, pp. 5–16.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

ập cao

ạch hoá tập trung

ı

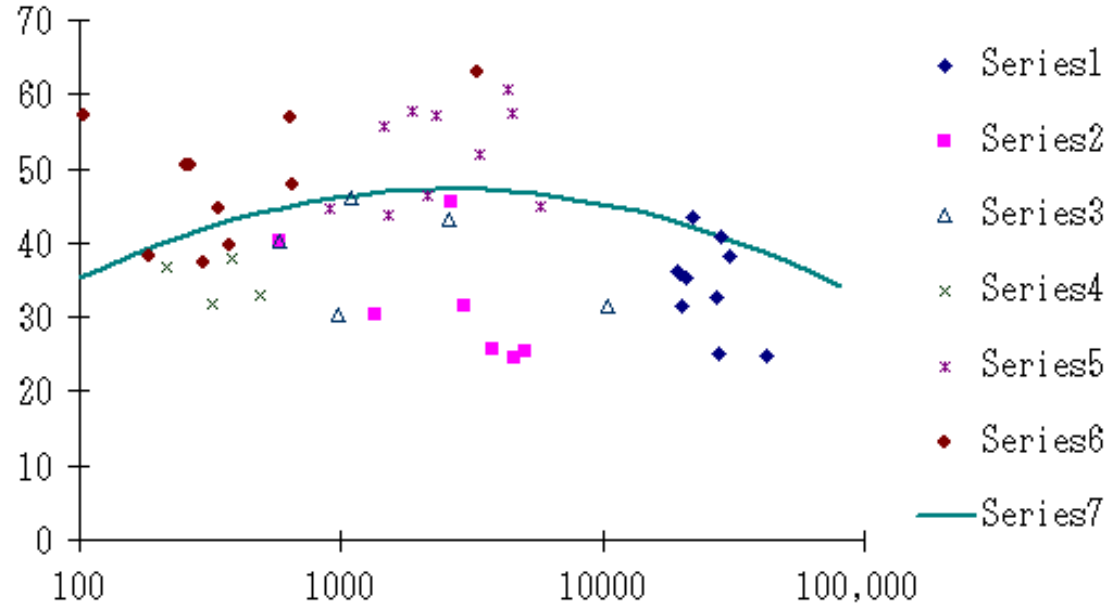

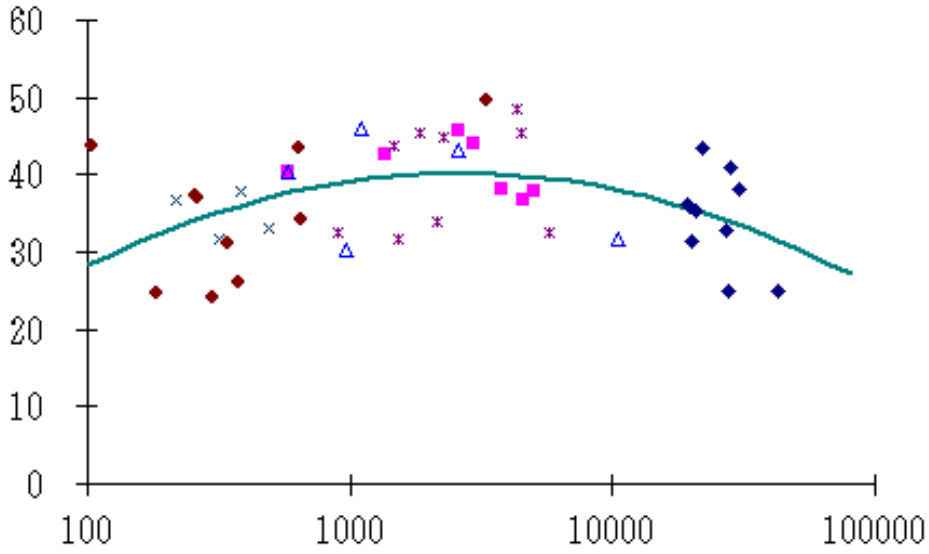

CuuDuongThanCong.com

https://fb.com/tailieudientucntt

Biến phụ thuộc		Hệ số Gini, G	
Ph±ơng trình hồi quy		(1)	(2)
Số l±ợng mẫu		45	45
Biến độc lập			
GDP đầu ng-ời	Ln(Y/N)	**12,33 (1.35)**	**17,58** (2.20)**
	$\{\ln(Y/N)\}^2$	**-0,91 (1.57)**	**-1,12** (2.23)**
Biến giả nền KT kế hoạch hoá	D_{CP}		-12,37*** (3.38)
Biến giả cho Châu Phi	D_{AF}		12,182*** (4.00)
Biến giả cho Châu Mỹ La Tinh	D_{LA}		13,36*** (4.25)
Giao điểm		-29,04 (0.95)	-29,04 (0.95)
Hệ số R^2	R^2	0,143	0,677
SE của -ớc l-ợng	SER	10,110	6,436
Ng-ỡng giá trị (1995 US$) Y/N tại đó G lớn nhất		**863**	**2.619**

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Giả thuyết của S.Kuznets chưa giải thích được:

- Nguyên nhân cơ bản tạo ra sự thay đổi trong bất bình đẳng;
- Chưa trả lời được câu hỏi: (1) Các nước có thu nhập thấp tất yếu phải chấp nhận mức độ bất bình đẳng tăng lên trong quá trình tăng trưởng kinh tế hay không; (2) Các nước này có thể trông đợi bất bình đẳng sẽ tự giảm đi khi tăng trưởng đạt tới một mức độ nhất định hay không

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2. Mô hình tăng trưởng trước, bình đẳng sau của A. Lewis

Giai đoạn đầu, LĐ dư thừa trong NN khi được thu hút vào CN chỉ được trả lương ở mức tối thiểu → nhà tư bản có lợi nhuận cao

Giai đoạn sau, khi LĐ trở nên khan hiếm thì lương tăng lên→ bbđ về thu nhập giảm.

Theo Lewis: bbđ về thu nhập là điều kiện cần thiết để có tăng trưởng. Bbđ làm cho thu nhập tập trung vào số ít người→ tăng tiết kiệm và đầu tư→ phân phối lại một cách vội vã sẽ hạn chế tăng trưởng

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Cách lý giải của A.Lewis về mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tăng trưởng dựa trên giả định gì về xu hướng tiết kiệm biên khi thu nhập thay đổi?

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

3. Mô hình tăng trưởng đi đôi với bình đẳng của H. Oshima

- Có thể hạn chế bbđ ngay từ giai đoạn đầu
- Ban đầu, cải thiện khoảng cách thu nhập thành thị-nông thôn dựa trên cải cách ruộng đất, trợ giúp của Nhà nước về giống, kỹ thuật, mở rộng ngành nghề ở nông thôn
- Sau đó, cải thiện khoảng cách về thu nhập giữa xí nghiệp có quy mô lớn và quy mô nhỏ ở thành thị, giữa trang trại lớn và trang trại nhỏ ở nông thôn
- Theo H. Oshima tiết kiệm sẽ tăng lên ở tất cả các nhóm dân cư → đầu tư pt sx và đầu tư cho giáo dục – đào tạo cho con em họ.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

4. Mô hình phân phối lại cùng với tăng trưởng kinh tế của WB

- WB cho rằng tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với bình đẳng.

- Theo WB, nguyên nhân cơ bản của bbđ trong phân phối thu nhập là do bất bình đẳng trong sở hữu tài sản.

  Biện pháp:

  1) Phân phối lại tài sản như cải cách ruộng đất, tăng cường cơ hội giáo dục cho nhiều người, tín dụng nông thôn, chính sách tiêu thụ nông sản, chính sách công nghệ

  2) Phân phối lại từ tăng trưởng.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

III. Bất bình đẳng giới

Giới (gender) là một khái niệm dùng để chỉ vai trò xã hội và hành vi ứng xử xã hội và những kỳ vọng liên quan đến nam và nữ

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Bình đẳng giới

Bình đẳng giới là sự tham gia như nhau của nam và nữ giới trong quá trình phát triển xã hội và sự tiếp cận/hưởng thụ như nhau của nam và nữ đối với thành quả của phát triển.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Bình đẳng giới: mục tiêu hay phương tiện?

- Là mục tiêu của pt nhưng đồng thời cũng là phương tiện bởi đó cũng là một yếu tố để nâng cao khả năng tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo
- Để có bình đẳng giới trong dài hạn, không chỉ cần có tăng trưởng mà còn cần đến môi trường thể chế và những giải pháp chính sách.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Thước đo bất bình đẳng giới

- Chỉ số phát triển giới (GDI): Phản ánh những thành tựu trong các khía cạnh tương tự như HDI (tuổi thọ TB, giáo dục, thu nhập) nhưng điều chỉnh các kết quả đó cho từng giới để cho thấy sự bất bình đẳng.

- Thước đo vị thế giới (GEM): xem xét cơ hội của phụ nữ trên ba phương diện: (1) tham gia hoạt động chính trị và có quyền quyết định; (2) tham gia các hoạt động kinh tế và có quyền quyết định: đo bằng tỷ lệ nam và nữ giới đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý; các vị trí trong ngành kỹ thuật, chuyên gia; (3) quyến đối với các nguồn lực kinh tế- đo bằng thu nhập ước tính của phụ nữ và nam giới

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tóm tắt các kết quả nghiên cứu của UNDP về GDI và GEM

- Bất bình đẳng giới không phụ thuộc vào mức thu nhập hoặc giai đoạn pt
- Thu nhập cao không phải là điều kiện tiên quyết để tạo ra cơ hội cho phụ nữ
- Dù đã có những tiến bộ về sự bình đẳng giới nhưng sự phân biệt giới vẫn còn tồn tại

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

IV: Nghèo khổ ở các nước đang phát triển

1. Khái niệm
2. Các chỉ số đánh giá

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

1. Các khái niệm nghèo khổ

Theo WB, khái niệm nghèo khổ ngày càng mở rộng

- Trước 1980: nghèo khổ được coi là hạn chế của con người đối với các nhu cầu cơ bản gồm: tiêu dùng, dịch vụ xã hội và nguồn lực.
- Từ 1980 đến nay: nghèo khổ được coi là hạn chế về năng lực và cơ hội gồm: tiêu dùng, dịch vụ xã hội, nguồn lực và tính dễ bị tổn thương→ khi đánh giá tình trạng nghèo khổ, không chỉ dựa vào tiêu chí thu nhập.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Khái niệm nghèo khổ tại Hội nghị chống đói nghèo của ESCAP

- Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ pt KT-XH và phong tục tập quán của địa phương.
- KN này được nhiều nước sử dụng trong đó có VN

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Từ các KN trên, bạn hãy xem mình có "nghèo" không?

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Nghèo khổ tuyệt đối và nghèo khổ tương đối

- Nghèo khổ tuyệt đối (absolute poverty): là tình trạng một bộ phận dân cư không được đảm bảo những nhu cầu tối thiểu nhằm duy trì cuộc sống
- Thước đo nghèo khổ tuyệt đối cho biết số người sống dưới một ngưỡng nghèo nhất định.
- Theo WB, ngưỡng nghèo tuyệt đối được xác định theo mức chi tiêu là USD 1/ngày/ng (rất nghèo: extreme poverty) và USD2/ ngày/ng (tương đối nghèo: moderate poverty)
- Năm 2001, trên TG có 1,1 tỷ người sống dưới mức $1 và 2,7 tỷ người sống dưới mức $2

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Nghèo khổ tương đối

- Nghèo khổ tương đối là tình trạng sống dưới mức trung bình của cộng đồng tại địa phương.
- Ngưỡng nghèo khổ tương đối thay đổi theo không gian và thời gian.
- Ví dụ về ngưỡng nghèo khổ tương đối: mức thu nhập thấp hơn 25% giá trị thu nhập trung bình trong xã hội [(Mức TN cao nhất+mức TN thấp nhất)/2]

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Câu hỏi để... thư giãn

Khi có tăng trưởng kinh tế và mức độ bất bình đẳng không thay đổi thì nghèo khổ tuyệt đối và nghèo khổ tương đối thay đổi thế nào?

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2. Phương pháp đánh giá nghèo khổ ở các nước đang phát triển

Ở các nước đang pt, ngưỡng nghèo chủ yếu được xác định dựa vào thu nhập/chi tiêu mà chưa nhấn mạnh đến các yếu tố phi thu nhập khác.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Ngưỡng nghèo khổ về thu nhập của VN

- Nghèo khổ về lương thực, thực phẩm
- Ngưỡng nghèo chung: gồm cả phần chi tiêu cho hàng hóa phi lương thực

  - Năm 1993: 750.000đ/ng/năm và 1.116.000 đ/ng/năm

  - Năm 1998: 1.287.000đ và 1.788.000đ

  - 2001-05: 80.000đ/ng/tháng (vùng hải đảo, vùng núi); 100.000đ/ng/tháng (vùng đồng bằng nông thôn); 150.000đ/ng/tháng (thành thị)

  - 2006-10: 200.000 (nông thôn) và 260.000 (thành thị)

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

3. chỉ số đánh giá tình trạng nghèo đói

- Chỉ số đếm đầu người (HCI)→ số người nghèo → tỷ lệ người nghèo (HCR) (chiều rộng của nghèo đói)
- Khoảng cách nghèo (Poverty Gap)→ mức độ nghèo của những người nghèo (độ sâu của nghèo đói)
- Chỉ số mức độ nghiêm trọng của nghèo đói (SPI-Severity of Poverty Index)

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

$$I(k) = \frac{1}{n}\sum_{i=1}^{m}\left(\frac{z - y_i}{z}\right)^k$$

- I(k): chỉ số thứ k trong nhóm (k=0,1,2)
- n: tổng dân số
- m: số lượng người nghèo
- z: ngưỡng nghèo
- y_i: mức sống của người i

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

(*HCl*)

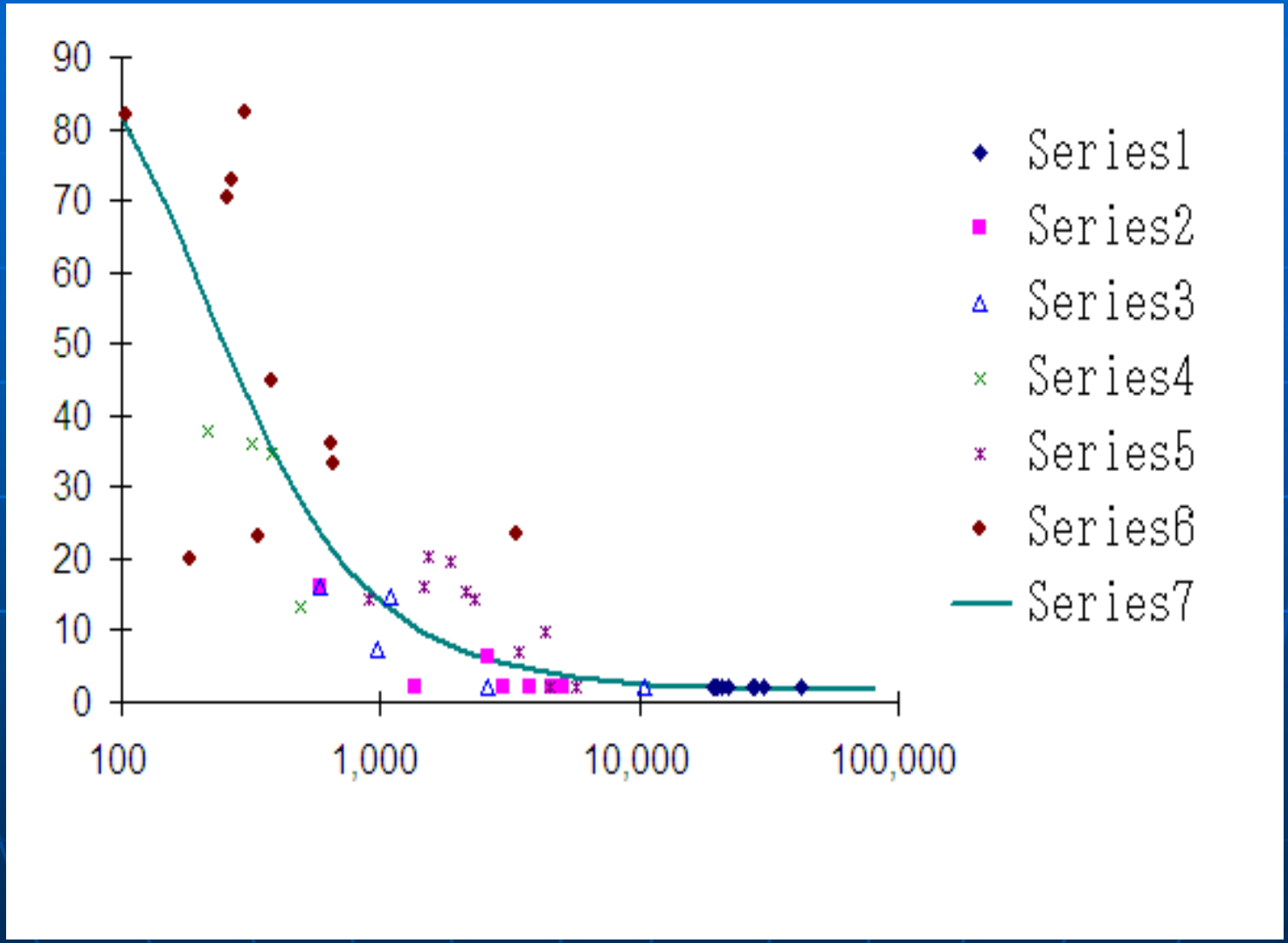

CuuDuongThanCong.com

https://fb.com/tailieudientucntt

(*PGI*)

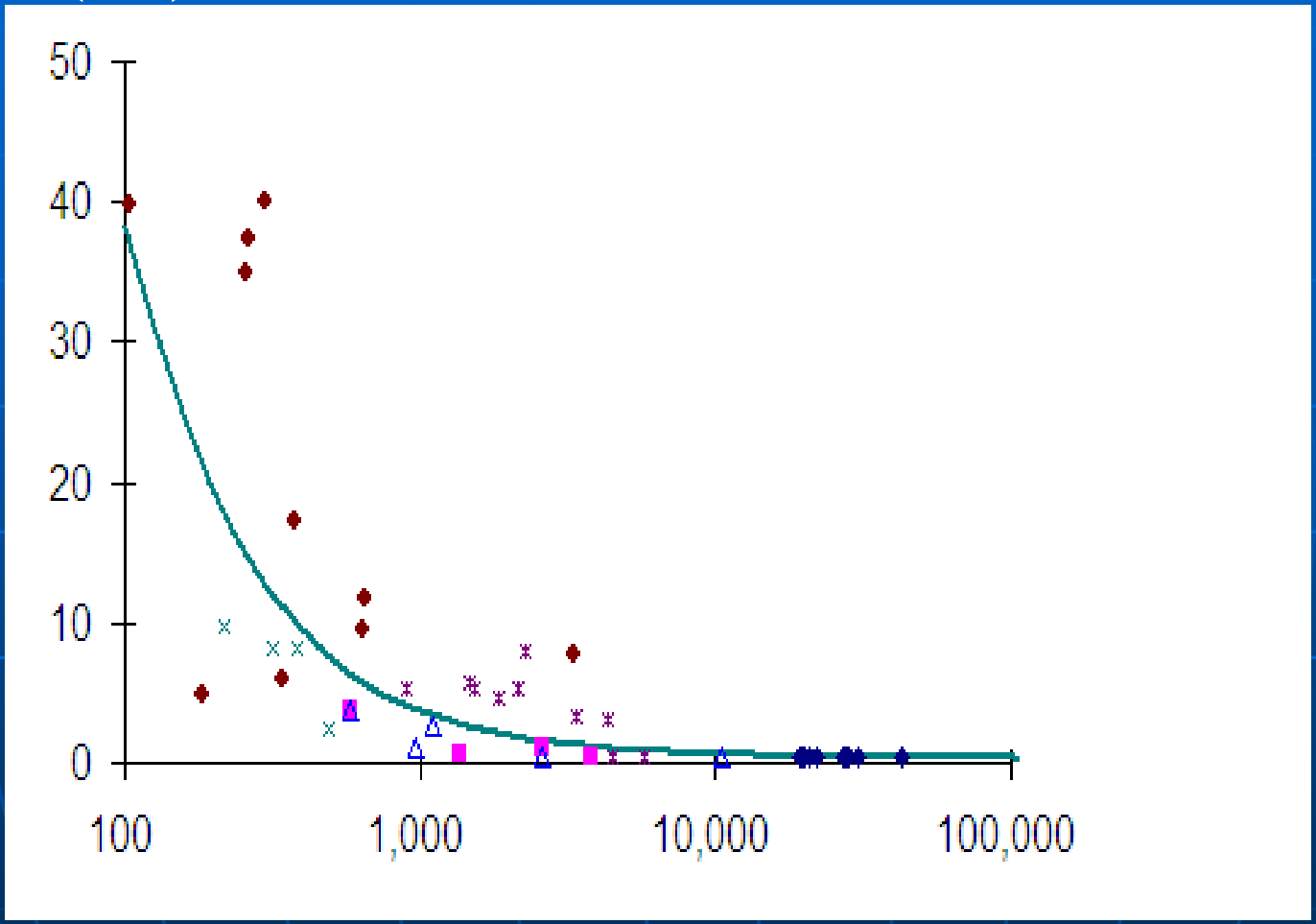

CuuDuongThanCong.com

https://fb.com/tailieudientucntt

Biến phụ thuộc		Tỷ lệ ng-ời nghèo Ln(HCI/(100-HCI)		KC nghèo đói Ln(PGI/(100-PGI)	
GDP đầu ng-ời	Ln(Y/N)	-3,02*** (4,15)	**-2,25*** (2,82)**	**-2,32*** (2,85)**	-1,87* (1,83)
	$\{\ln(Y/N)\}^2$	0,14*** (2,98)	**0,09* (1,96)**	**0,09* (1,88)**	0,08 (1,52)
Biến giả nền KT-KHH	D_{CP}		-0,88** (2,35)		-0,72* (1,83)
Biến giả cho Châu Phi	D_{AF}		0,98*** (3,17)		1,27*** (3,86)
Biến giả Mỹ La Tinh	D_{LA}		0,51 (1,63)		0,89*** (2,73)
Giao điểm		12,47*** (4,5)	8,71*** (2,88)	8,14** (2,63)	5,32 (1,57)
Hệ số R^2	R^2	0,77	0,86	0,69	0,83
SE của -ớc l-ợng	SER	0,81	0,66	0,91	0,70
(1995 US$) Y/N tại đó HCI và PGI min		56.50	94.28	155.38	119.82

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Chiến lược xóa đói giảm nghèo

WB's 1990 WDR đưa ra chiến lược xóa nghèo:

1) thúc đẩy tăng trưởng theo định hướng thị trường;
2) cung cấp các dịch vụ y tế và giáo dục cho người nghèo

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tăng trưởng và thu nhập của người nghèo

Table 4: Variants on the Basic Specification

	Regional Dummies			Regional Dummies Common Trend			Regional Dummies Slopes Differ by Decade			Regional Dummies Slopes Differ by Region			Regional Dummies Slopes Differ with Income			Regional Dummies Slopes Differ +/- Growth		
	Coef	Std. Err		Coef	Std. Err		Coef	Std. Err		Coef	Std. Err		Coef	Std. Err		Coef	Std. Err	
Constant	-0.114	0.078		-0.050	4.024		-0.485	0.699		-4.398	1.421	***	-0.782	0.815		-1.254	0.647	*
ln(Per Capita GDP)	**0.905**	**0.094**	***	**1.003**	**0.139**	***	**0.941**	**0.079**	***	**1.355**	**0.153**	***	**0.988**	**0.196**	***	1.027	0.070	***
EAP	-0.168	0.102	*	-0.079	0.143		-0.127	0.088		3.733	1.568	**	-0.103	0.084		-0.050	0.081	
ECA	-0.023	0.147		0.085	0.202		0.003	0.131		2.965	3.944		0.050	0.115		0.132	0.109	
LAC	-0.618	0.121	***	-0.512	0.166	***	-0.572	0.101	***	8.244	3.083	***	-0.542	0.095	***	-0.490	0.095	***
MENA	-0.275	0.140	**	-0.152	0.199		-0.246	0.118	**	2.213	2.380		-0.189	0.100	*	-0.127	0.109	
SA	-0.079	0.208		0.128	0.311		0.000	0.166		2.615	1.616		0.055	0.135		0.185	0.154	
SSA	-0.685	0.288	**	-0.369	0.355		-0.550	0.243	**	2.111	2.008		-0.422	0.170	**	-0.384	0.210	*
Time				0.000	0.003													
y x 1970s							-0.001	0.008										
y x 1980s							0.003	0.010										
y x 1990s							0.005	0.010										
y x EAP										-0.413	0.173	**						
y x ECA										-0.290	0.474							
y x LAC										-1.019	0.368	***						
y x MENA										-0.243	0.285							
y x SA										-0.239	0.188							
y x SSA										-0.230	0.256							
y x y90													-0.001	0.013				
y x (Dummy Negative Growth)																0.009	0.008	
P-Ho: $\alpha 1=1$	**0.313**			**0.983**			**0.455**			**0.020**			**0.949**			**0.694**		
P-OID	0.390			0.240			0.126			0.133			0.209			0.174		
T-NOSC	-0.948			-0.921			-0.938			-1.571			-0.932			-0.907		
# Observations	269			269			269			269			269			269		

Notes: The row labelled P-Ho: $\alpha_1=1$ reports the p-value associated with the test of the null hypothesis that $\alpha_1=1$. The row labelled P-OID reports the P-value associated with the test of overidentifying restrictions. The row labelled T-NOSC reports the t-statistic for the test of no second-order serial correlation in the differened residuals. Standard errors are corrected for heteroskedasticity and for the first-order autocorrelation induced by first differencing using a standard Newey-West procedure. * (*) (***) denote significance at the 10 (5) (1) percent levels.

Source: David Dollar and Aart Kraay. "Growth is good for the poor", *Journal of Economic Growth (2002)*

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tác động của toàn cầu hoá tới người nghèo

	Trade Volumes		Adjusted Trade Volumes		Sachs Warner Trade Policy Index		Import Taxes As Share of Imports		Dummy for WTO Membership		Dummy for Capital Controls	
	Coefficient	Std. Err.	Coefficient	Std. Err.	Coefficient	Std. Err.	Coefficient	Std. Err.	Coefficient	Std. Err.	Coefficient	Std. Err.
Basic												
ln (per capita GDP)	1.094	0.108***	1.047	0.133***	1.077	0.092***	0.936	0.136***	0.917	0.104***	0.869	0.116***
Openness measure	−0.039	0.088	−0.038	0.167	−0.071	0.065	−0.161	0.358	0.021	0.043	−0.090	0.051*
Interaction with per capita GDP												
ln (per capita GDP)	1.102	0.092***	0.991	0.126***	1.066	0.076***	1.013	0.082***	1.012	0.078***	0.969	0.084***
Openness measure	−0.323	1.363	1.188	1.601	0.237	0.573	0.604	3.133	−0.026	0.558	−0.515	0.587
Openness measure × ln (per capita GDP)	0.030	0.146	−0.123	0.169	−0.036	0.072	−0.085	0.396	0.002	0.070	0.052	0.064
Interaction with per capita GDP and land												
ln (per capita GDP)	1.120	0.105***	0.901	0.099***	1.046	0.084***	1.063	0.083***	1.101	0.072***	1.009	0.081***
Openness measure	0.304	1.780	1.161	1.485	0.109	0.605	2.552	2.858	0.513	0.569	−0.574	0.607
ln(arable land/worker)	−0.090	0.031***	−0.086	0.023***	−0.018	0.032	−0.087	0.029	−0.054	0.039	−0.038	0.025
Openness measure × ln (per capita GDP)	−0.036	0.198	−0.074	0.170	−0.024	0.075	−0.378	0.385	−0.066	0.072	0.050	0.066
Openness measure × ln (arable land per worker)	0.061	0.070	0.245	0.111**	−0.041	0.035	−0.366	0.262	0.016	0.039	−0.023	0.031

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Source: David Dollar and Aart Kraay. "Growth is good for the poor", *Journal of Economic Growth (2002)*

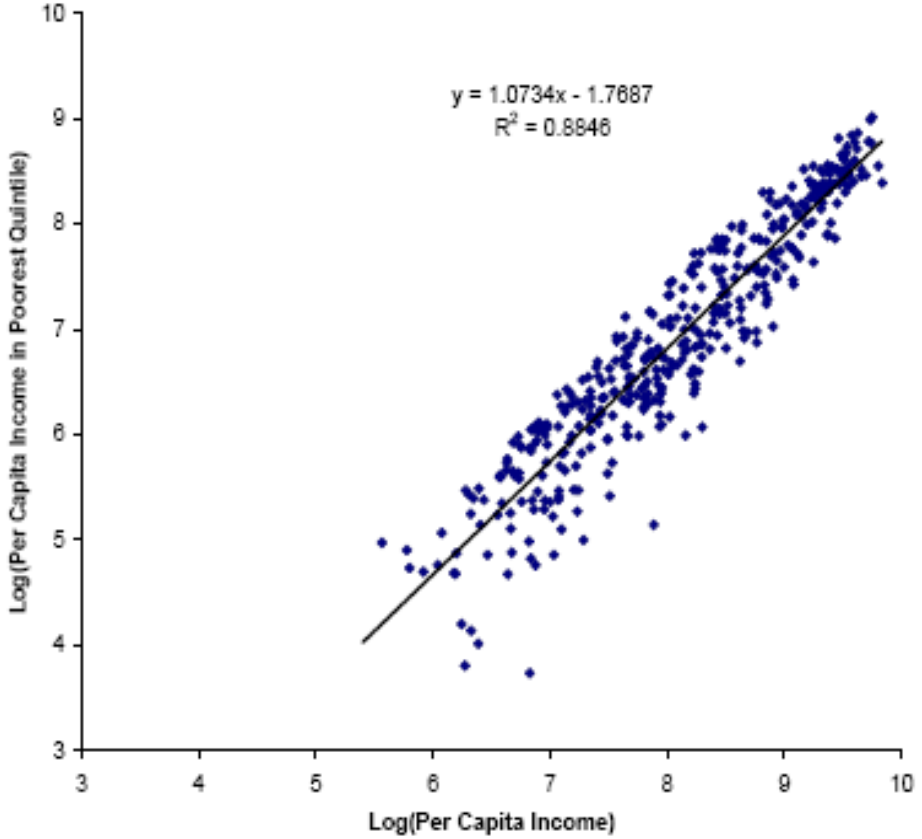

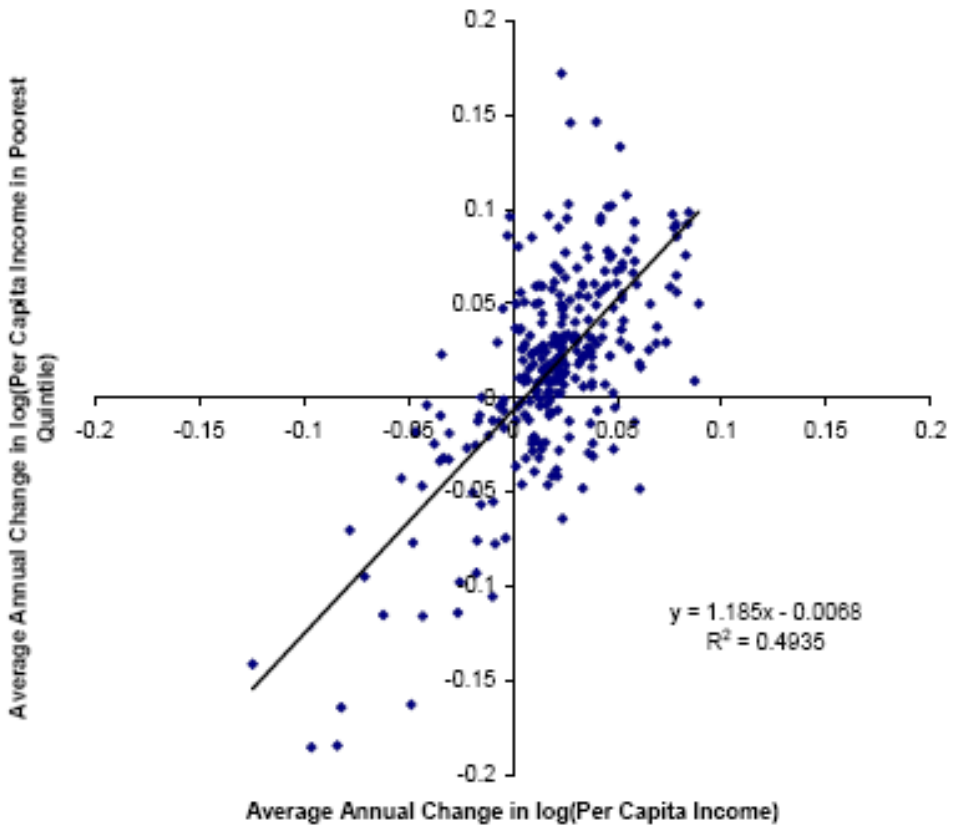

CuuDuongThanCong.com

https://fb.com/tailieudientucntt

Tuy nhiên, nghiên cứu trên chỉ cho thấy thu nhập của người nghèo tăng lên khi kinh tế tăng trưởng

Nó không cho thấy tỷ lệ nghèo đói giảm đi

Điều gì xảy ra nếu GINI tăng khi kinh tế tăng trưởng?

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

- UN đã đưa ra mục tiêu thiên niên kỷ và yêu cầu các quốc gia đang phát triển phải có chiến lược trực tiếp giải quyết nghèo đói
- Chiến lược tăng trưởng vì người nghèo. Vd hãy so sánh:

	Tốc độ tt thu nhập người nghèo (%)	Tốc độ tt GDP / capita (%)
Tình huống 1	3	2
Tình huống 2	4	6

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

- Phát triển thị trường → giảm nghèo đói

  Tuy nhiên, người nghèo cần có đủ khả năng tận dụng các cơ hội do thị trường mang lại → y tế và giáo dục cho người nghèo
- Các khoản trợ cấp, bảo hiểm xã hội, thất nghiệp...

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

V. HỌC VẤN

Chất lượng nguồn nhân lực: số năm đến trường bình quân của người lớn

Average schooling years

	1965	2000	increase
Africa (Sub-Saharan)	**0.4**	**2.1**	**1.7**
Ethiopia	0.1	1.2	1.1
Nigeria	n.a.	n.a.	n.a.
Kenya	1.2	4.0	2.8
South Asia	**1.4**	**1.3**	**2.9**
Bangladesh	0.9	2.5	1.6
Pakistan	0.9	2.5	1.5
India	1.5	4.8	3.3
East Asia	**1.7**	**5.8**	**4.0**
Indonesia	1.4	4.7	3.4
China	1.6	5.7	4.1
Thailand	3.2	6.1	3.0
Korea, Rep.	4.4	10.5	6.0
Latin America (and Caribbean)	**3.3**	**5.5**	**2.2**
Peru	3.1	7.3	4.2
Brazil	2.8	4.6	1.8
Argentina	5.2	8.5	3.3
High-income[f]	**8.0**	**10.9**	**2.8**
France	5.9	8.4	2.5
UK	7.2	9.4	2.2
USA	9.3	12.3	3.0
Japan	7.2	9.7	2.5

Source: Hayami & Godo, 2005

CuuDuongThanCong.com

https://fb.com/tailieudientucntt

1. Trình độ học vấn và tăng trưởng

Stock

Flow

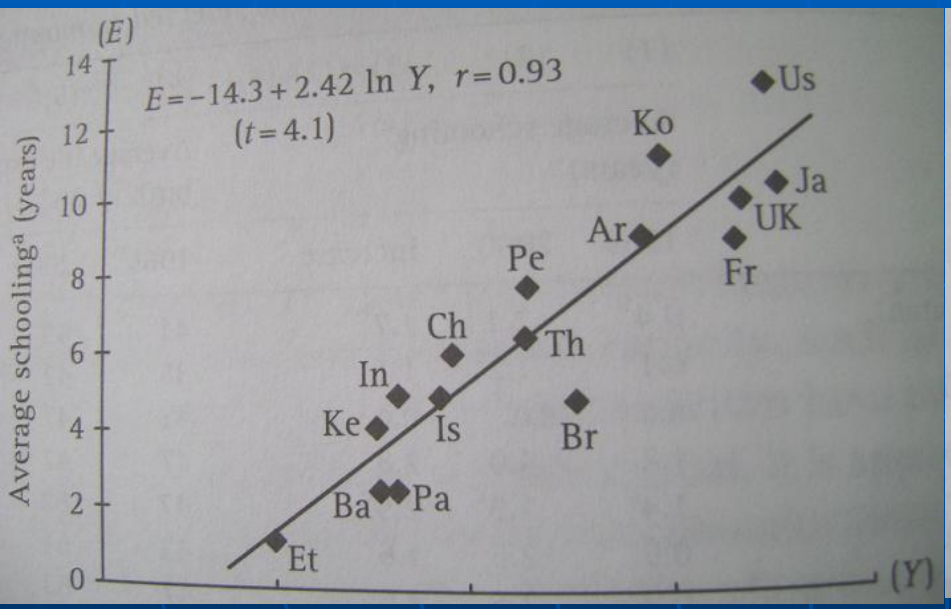

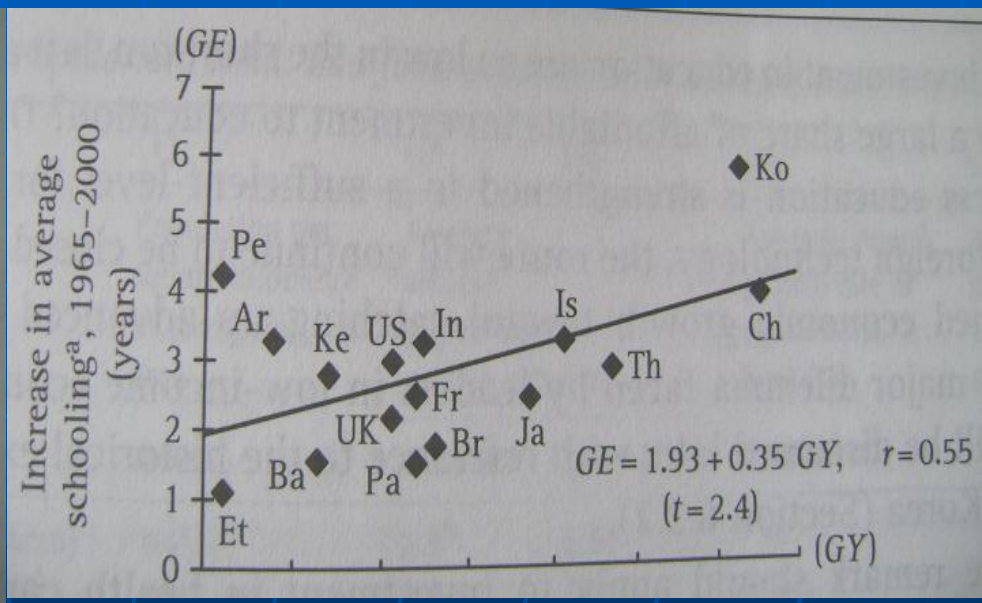

CuuDuongThanCong.com

https://fb.com/tailieudientucntt

2. Giáo dục là một khoản đầu tư

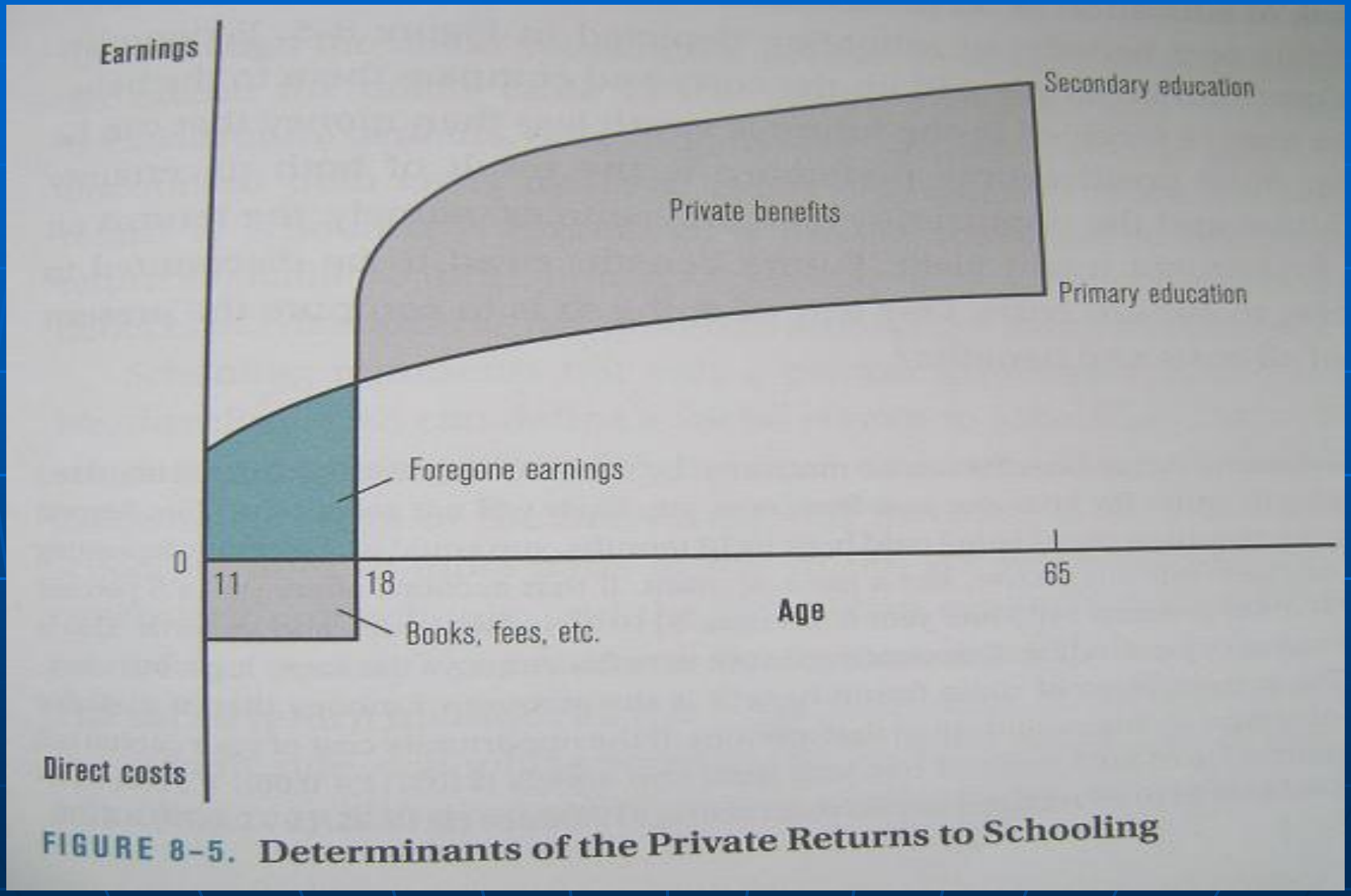

FIGURE 8–5. Determinants of the Private Returns to Schooling

CuuDuongThanCong.com
https://fb.com/tailieudientucntt

Thu nhập nhờ học trung học

$$PV_B = \sum_{t=1}^{n} B_t / (1+i)^t$$

Chi phí học trung học

$$PV_C = \sum_{t=1}^{n} C_t / (1+i)^t$$

Sẽ quyết định học trung học nếu $PV_B >= PV_C$

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

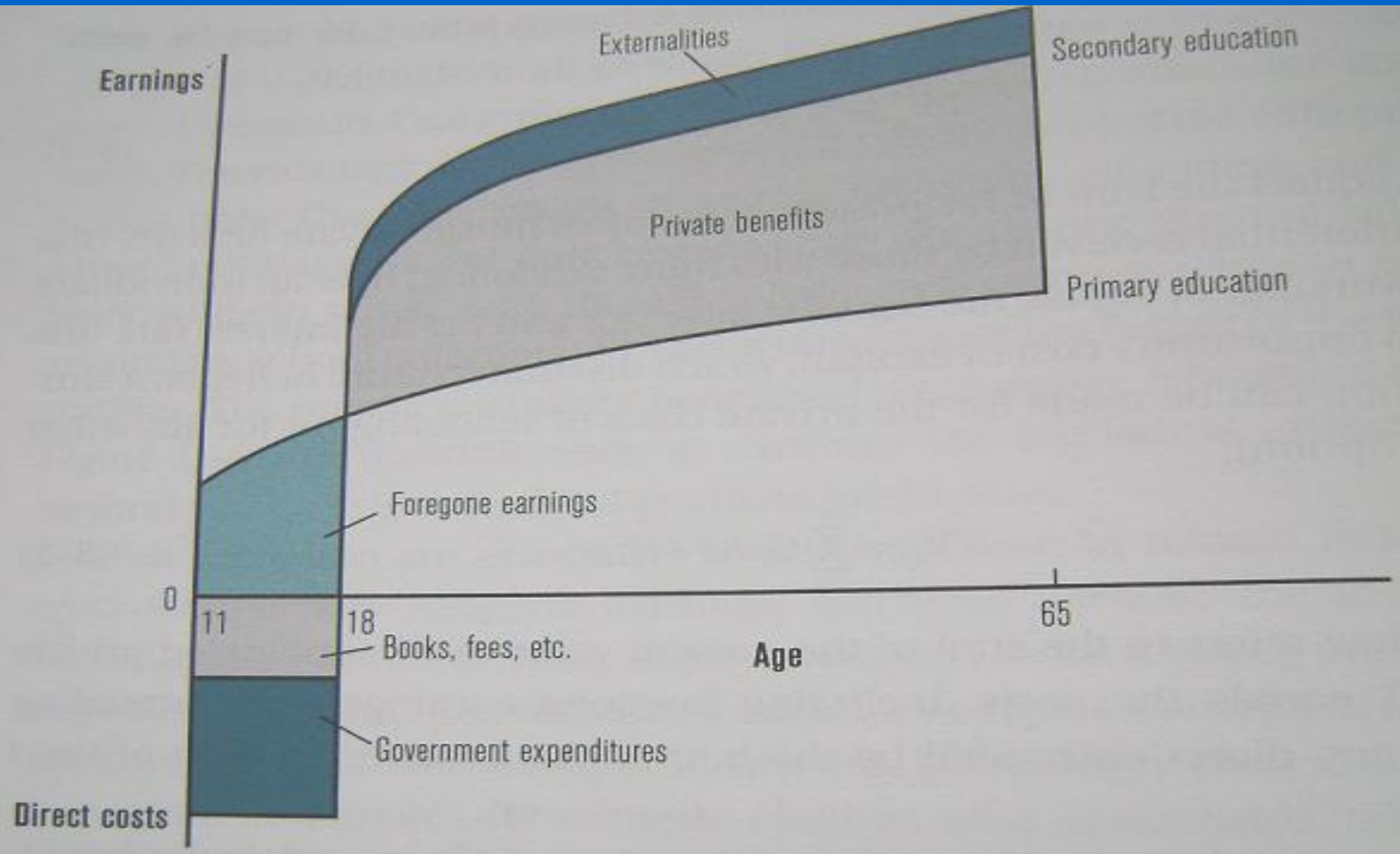

FIGURE 8-6. Determinants of the Social Returns to Schooling

Note: For ease of exposition, the figure is drawn without any positive externalities arising from primary education.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

TABLE 8-3. Returns to Schooling by Level and Country Income Group

INCOME CATEGORY	PRIVATE RATE OF RETURN			"SOCIAL" RATE OF RETURN		
	PRIMARY	SECONDARY	TERTIARY	PRIMARY	SECONDARY	TERTIARY
Low income	25.8	19.9	26.0	21.3	15.7	11.2
Middle income	27.4	18.0	19.3	18.8	12.9	11.3
High income	N.A.	12.2	12.4	N.A.	10.3	9.5

Notes: These estimates of "social" rates of return account for only government expenditures on schooling and do not include estimates of any positive externalities resulting from schooling.

Given the small number of workers in high-income nations with only primary educations, most studies of high-income nations do no provide estimated rates of return to primary education.

Source: G. Psacharopoulus and H. Patrinos, "Returns to Investment in Education: A Further Update," *Education Economics* 12, no. 2 (August 2004).

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

3. Giáo dục với BBĐ thu nhập, di cư, và chảy máu chất xám

Bất Bình Đẳng

Gia tăng BBĐ ở các nước đang pt do:

- Chi phí giáo dục ở cấp thấp (tiểu học) đối với người nghèo cao hơn đối với người giàu → những học sinh gia đình khá giả mới có thể theo học;

- Chi phí giáo dục ở bậc ĐH được nhà nước hỗ trợ → BBĐ càng tăng

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

TABLE 8.3 Share of Public Resources for Education Appropriated by Different Socioeconomic Groups, by Region

Region	Percentage in the Population			Percentage of Public School Resources			Ratio between Percentage of Resources and of Population		
	Farmers	Manual Workers and Traders	White-Collar Workers	Farmers	Manual Workers and Traders	White-Collar Workers	Farmers	Manual Workers and Traders	White-Collar Workers
Africa									
Anglophone	76	18	6	56	21	23	0.73	1.19	3.78
Francophone	76	18	6	44	21	36	0.58	1.15	5.93
Asia	58	32	10	34	38	28	0.59	1.19	2.79
Latin America	36	49	15	18	51	31	0.49	1.04	2.03
Middle East and North Africa	42	48	10	25	46	29	0.60	0.35	2.87
Members of the Organization for Economic Cooperation and Development (OECD)	12	53	35	11	46	42	0.95	0.87	1.2

Source: Emmanuel Jimenez, "The public subsidization of education and health in developing countries: A review of equity and efficiency," *World Bank Research Observer* 1 (1986): 111–129, tab. 3. Reprinted with permission.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Di cư và chảy máu chất xám

- Học vấn và di cư: quan hệ tỷ lệ thuận
- Học vấn và chảy máu chất xám: quan hệ tỷ lệ thuận

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

4. Vấn đề liên quan tới đầu tư giáo dục

- Đầu tư quá ít
- Phân bổ đầu tư không đúng
- Chất lượng đào tạo
- Chi phí đào tạo

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

- Thời gian để các khoản đầu tư có hiệu lực

Kiến thức → các kỹ năng quản trị và sx: t/g dài

Kiến thức → các phát minh được áp dụng: t/g rất dài

Stock

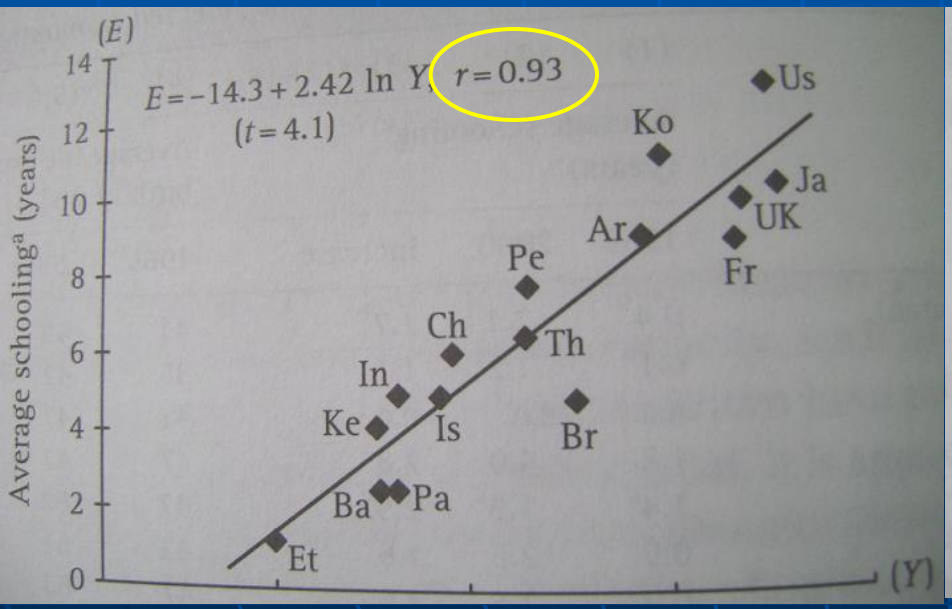

Flow

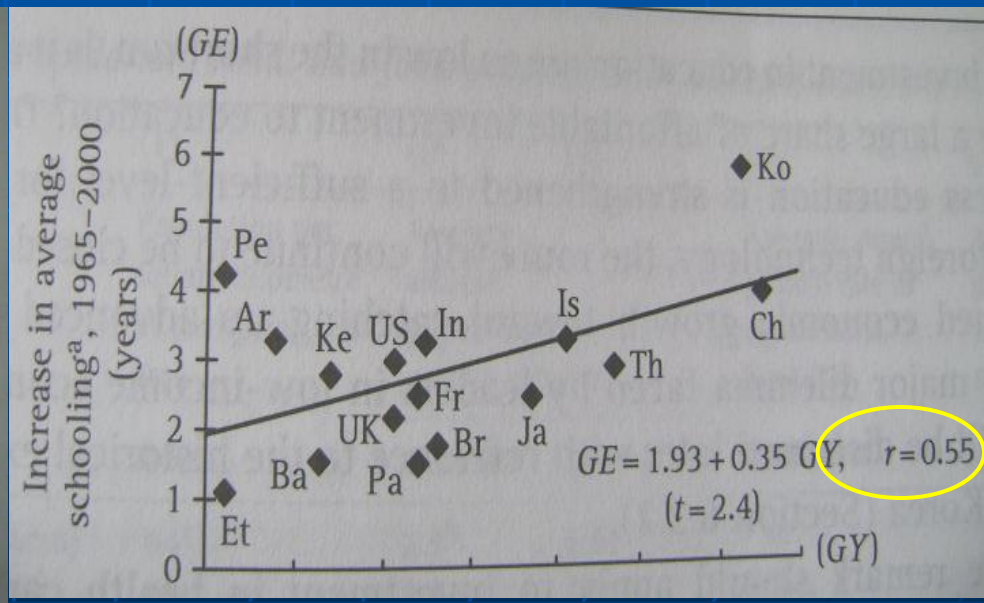

CuuDuongThanCong.com

https://fb.com/tailieudientucntt

Quá trình Nhật Bản và Hàn Quốc đuổi kịp Mỹ

School System Rule (1872): no single household in any village, which does not let children study in school.

Trong giai đoạn I

GDục: tăng nhanh

GDP và K/L: tăng chậm

Trong giai đoạn II

GDục: tăng chậm

GDP và K/L: tăng nhanh

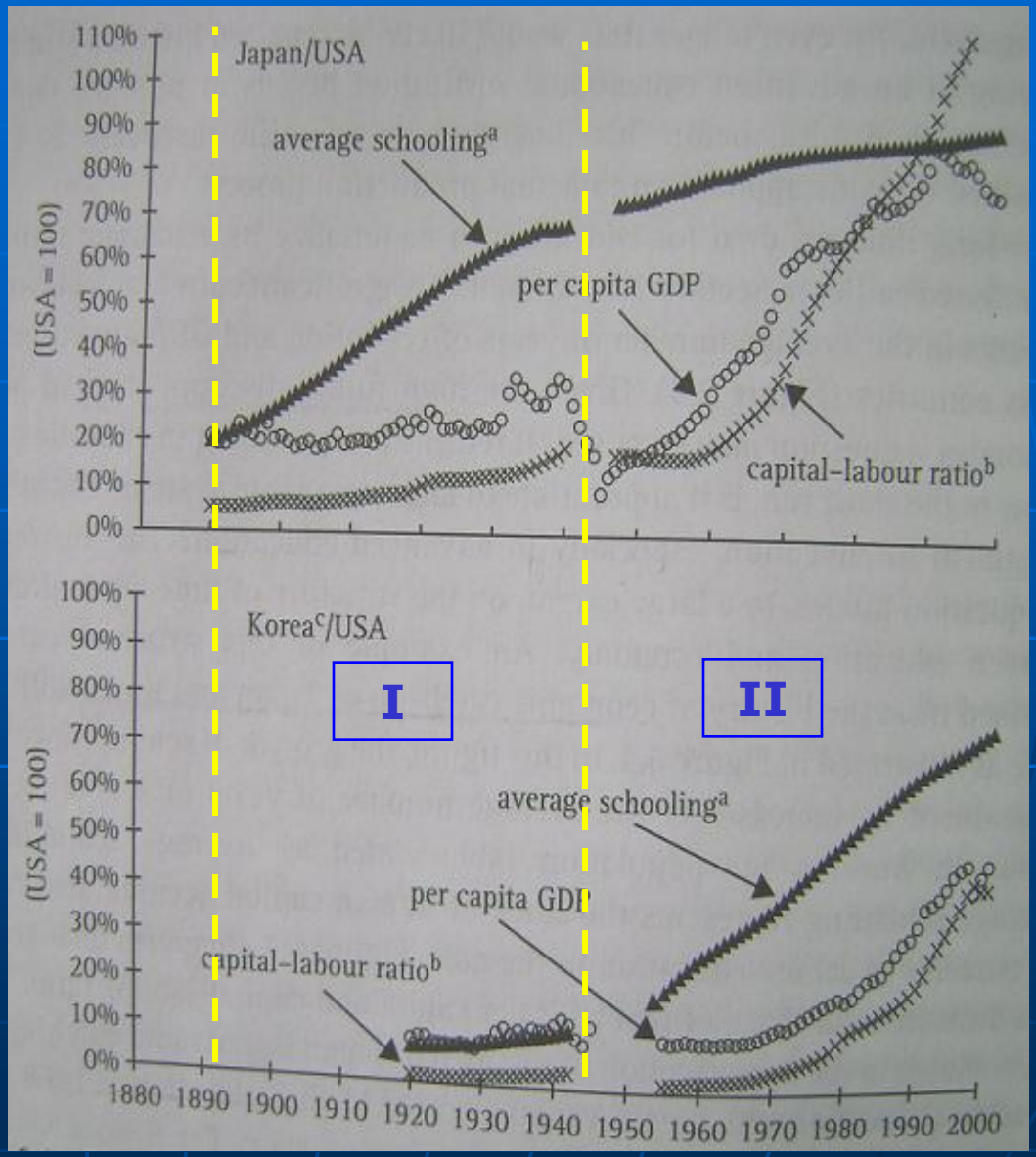

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Hai giả thuyết:

- Trong giai đoạn đầu, vốn nhân lực tăng quá nhanh so với vốn hữu hình (hạn chế bởi Thế chiến II)

- Tổng số vốn nhân lực chứ không phải tốc độ tăng của vốn nhân lực quyết định tăng trưởng

Bài học: 1) Vốn nhân lực có ý nghĩa quyết định tới tăng trưởng; 2) Các nước đang pt cần "hi sinh" để đầu tư cho vốn nhân lực trong thời gian dài trước khi nguồn vốn này đạt mức độ nhất định để kết hợp tối ưu với vốn hữu hình → tăng trưởng

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

“We would like to emphasize that the role of education may not be limited in its direct contribution to economic growth through the creation of better skill and technology. A more basic role of education may be to transform culture or people’s value system by improving their knowledge of their own position in wider national and international perspective”

Hayami and Godo (2005), pp. 181.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

VI. Sức khoẻ

Trong năm 2005, dân số, tỷ lệ tử và số người tử ở hai nước như sau:

	Dân số (triệu)	TL tử (%)	SN tử (nghìn)
Denmark	5.4 m	10	54
Sierra Leone	nt	24	130

Hai câu hỏi:

1)Trung vị tuổi người chết ở Denmark

2)Trung vị tuổi người chết ở Sierra Leone

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Câu trả lời:

1)Trung vị tuổi người chết ở Denmark: 77

2)Trung vị tuổi người chết ở Sierra Leone: 4

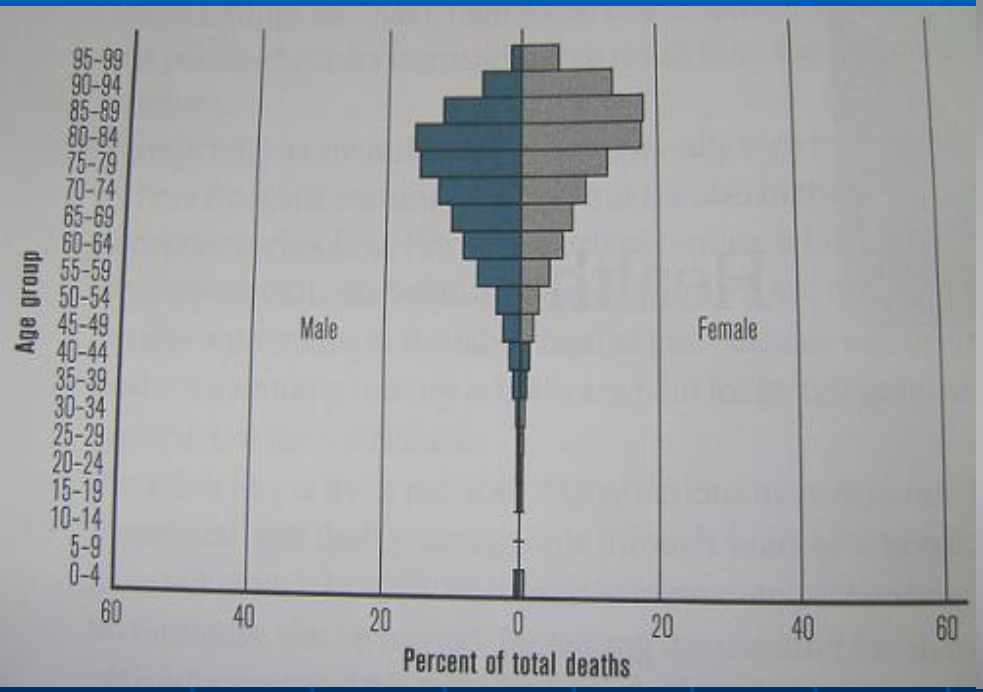

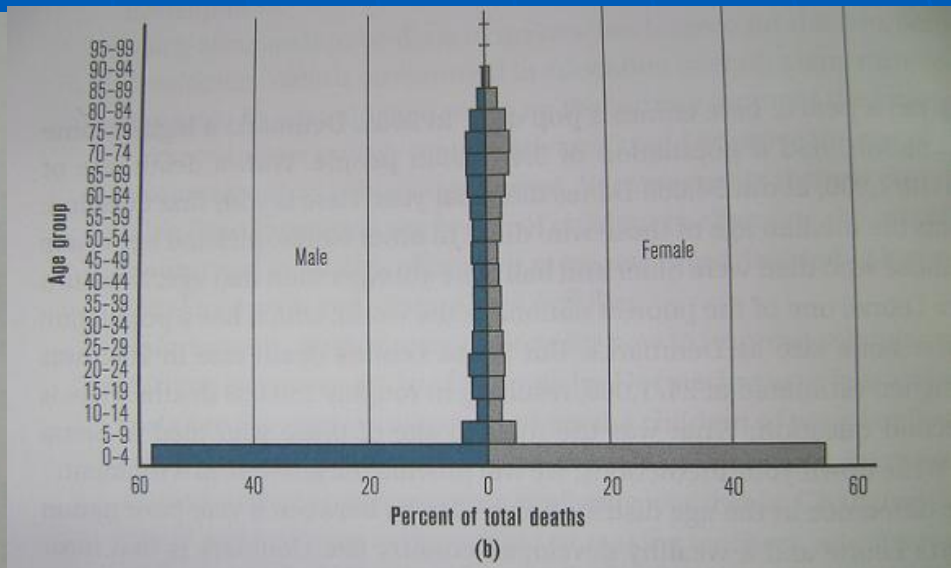

FIGURE 9-1. Distribution of Age at Death in (a) Denmark and (b) Sierra Leone, 2005 (values in graphs are projections)

Source: World Bank, *Health Financing Revisited*, processed (Washington, DC: World Bank, 2005).

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

1. Khái niệm và thước đo

(WHO): trạng thái trí tuệ, thể lực, và xã hội khoẻ mạnh chứ không đơn thuần là không có bệnh tật

Các thống kê thường được sử dụng:

- Tỷ lệ tử (Mortality)
- Tỷ lệ mắc bệnh (Morbidity)
- Tuổi thọ
- HALE (Health-adjusted life expectancy): giảm tuổi thọ cho những năm tàn tật

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

TABLE 9-2. **Selected Health-Related Measures for WHO Regions (early 2000s)**

	AFRICAN REGION	AMERICAS	SOUTHEAST ASIA
Mortality statistics			
Life expectancy at birth (years), males	46	71	61
Life expectancy at birth (years), females	48	77	64
Mortality rates (per 1,000)			
Neonatal (first 28 days)	43	12	38
Under five	171	25	78
Adult (15–60 years) men	522	179	275
Adult (15–60 years) women	466	102	212
Healthy life expectancy at birth (HALE, years), males	40	62	54
Healthy life expectancy at birth (HALE, years), females	42	67	55
Morbidity statistics			
Number of adults and children living with HIV (millions)	25.3	3.2	6.4
Adult (15–49) rate of people living with HIV (%)	7.1	0.7	0.7
Children under five stunted for age (%)	37	10	36
Children under five underweight for age (%)	26	5	37

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

TABLE 9-3. Increased Life Expectancy, 1960–2003

REGION	LIFE EXPECTANCY, YEARS			CHANGE IN YEARS PER DECADE	
	1960	1990	2003	1960–90	1990–2003
Low and middle income	44	63	65	6.3	1.5
East Asia and Pacific	39	67	70	9.3	2.3
Europe and Central Asia	N.A.	69	68	N.A.	−0.8
Latin America and Caribbean	56	68	71	4.0	2.3
Middle East and North Africa	47	64	68	5.7	3.1
South Asia	44	58	63	4.7	3.8
Sub-Saharan Africa	40	50	46	3.3	−3.1
High income	69	76	78	2.3	1.5
World	50	65	67	5.0	1.5

Sources: David Bloom, David Canning, and Dean T. Jamison, "Health, Wealth, and Welfare," *Health and Development: A Compilation of Articles from Finance and Development.* (Washington, DC: International Monetary Fund, December 2004) and *World Development Indicators Online.*

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2. Các nhân tố tác động tới sức khoẻ

Environmental risk factors			37
Access to improved water sources, urban	84	97	94
Access to improved water sources, rural	45	80	79
Access to improved sanitation, urban	58	91	65
Access to improved sanitation, rural	28	64	28
Health services coverage			
Immunization coverage among one year olds (%)			
Measles	63	93	71
Diptheria, tetanus, pertussis, three doses	61	91	73
Births attended by skilled health personnel (%)	43	87	45
Health system statistics			
Number of physicians per 10,000	1.8	21.8	5
Number of nurses and midwives per 10,000	8.8	40.8	7.4
Number of health workers per 10,000	10.6	62.6	12.4
Hospital beds per 10,000	–	26	17
Per capita total expenditures on health (US$, PPP)	101	2,221	101

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

3. Sức khỏe và tăng trưởng

Thu nhập cao hơn → sức khỏe tốt hơn

Sức khỏe con người tốt → tăng trưởng và tăng thu nhập:

- Sức khỏe tác động tới năng suất

- Sức khỏe tác động tới tiết kiệm và đầu tư: sống lâu hơn → đầu tư dài hạn hơn

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

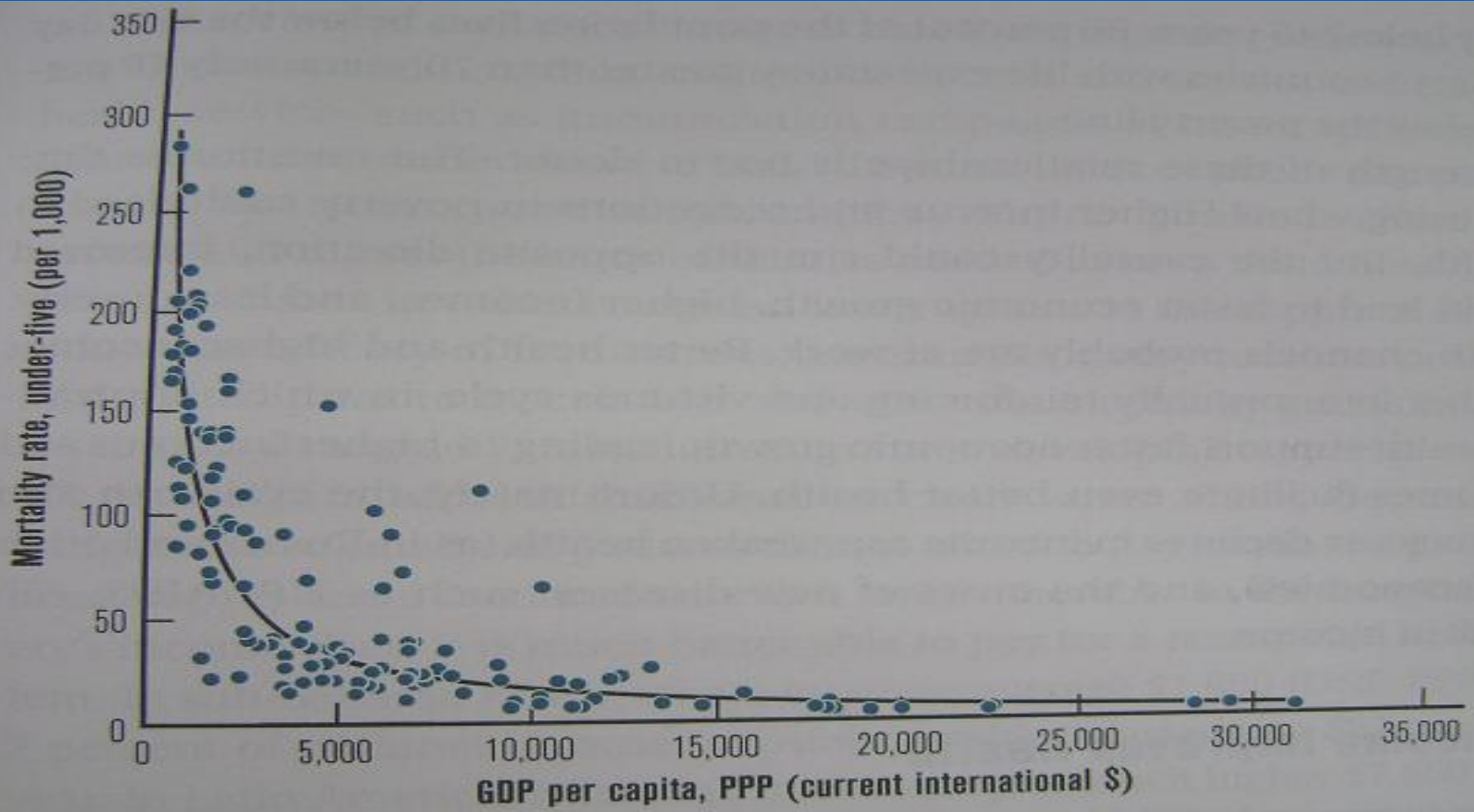

FIGURE 9–2. Child Mortality and Income (2003)

Based on data for 2003 from 137 countries of all income levels around the world.

Source: *World Development Indicators 2005.*

CuuDuongThanCong.com

https://fb.com/tailieudientucntt

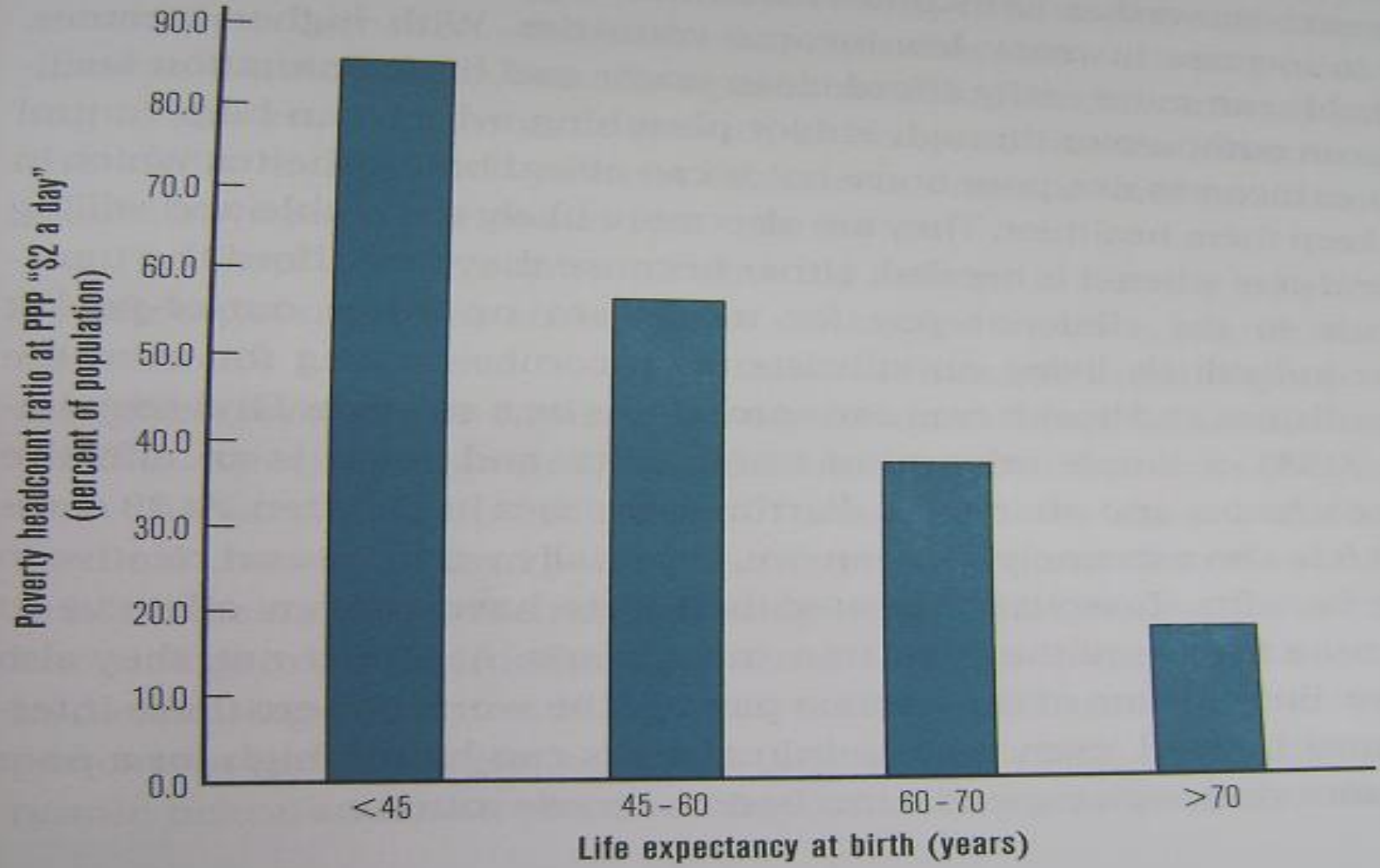

FIGURE 9-3. Poverty and Life Expectancy (1998–2003 average)

Source: *World Development Indicators 2005.*

CuuDuongThanCong.com

https://fb.com/tailieudientucntt

4. Sức khỏe và học vấn: sự tác động qua lại

Sức khoẻ tốt: lợi ích từ học vấn sẽ tăng

- Sức khoẻ → học tốt hơn
- Tỷ lệ tử trẻ em tuổi tới trường cao → cp giáo dục / học sinh tăng
- Tuổi thọ cao hơn → lợi ích từ học vấn nhiều hơn
- Sức khoẻ → sử dụng học vấn hiệu quả hơn

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Học vấn cao: lợi ích đầu tư chăm sóc sức khoẻ tăng

- Các chương trình chăm sóc y tế phụ thuộc lớn vào trình độ học vấn của người dân
- Các trường học giảng dạy chăm sóc sức khoẻ
- Trình độ học vấn của đội ngũ làm công tác chăm sóc sức khoẻ cao → các chương trình hiệu quả hơn

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

FIGURE 8.11 Wages, Education, and Height of Males in Brazil and the United States

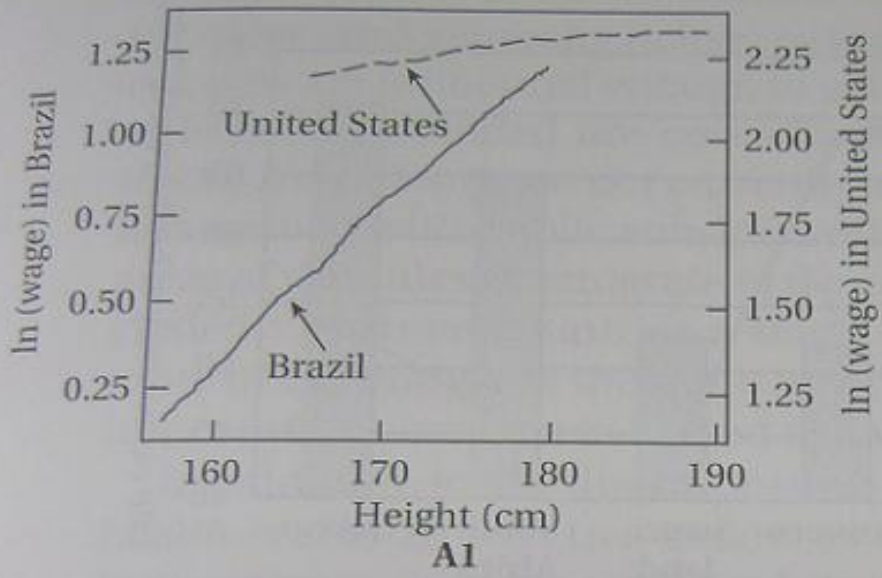

A1

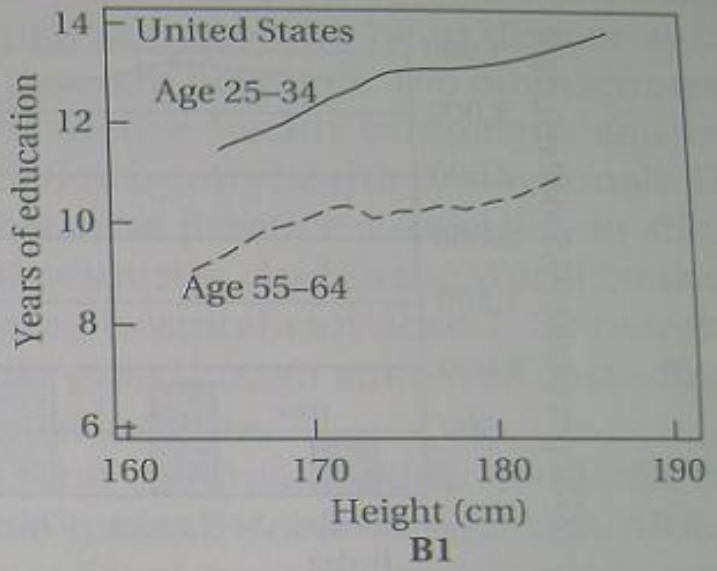

B1

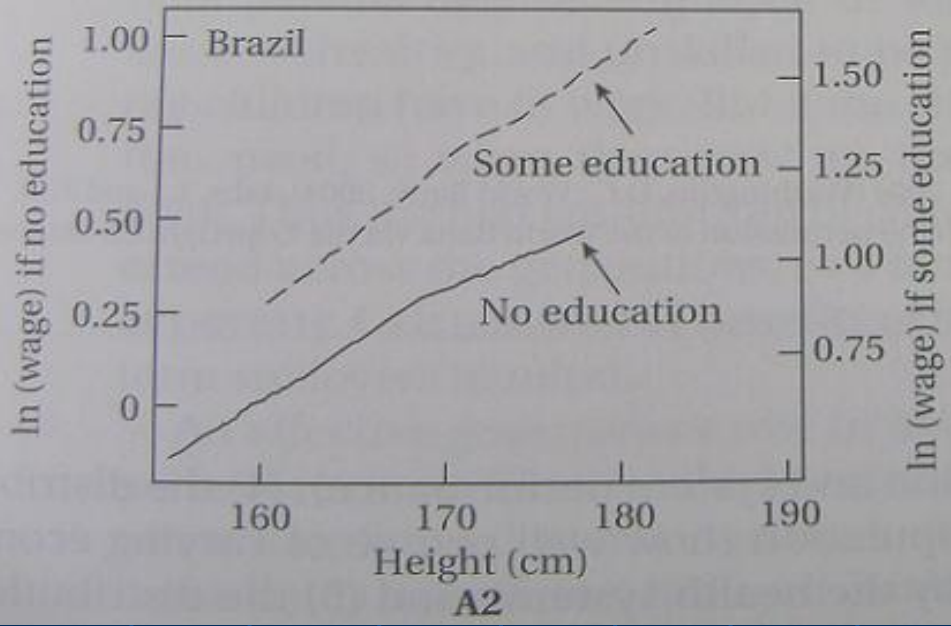

A2

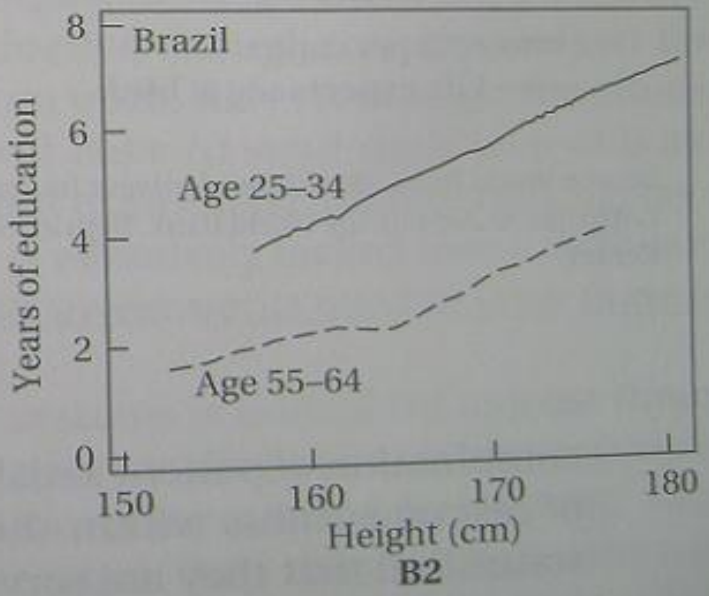

B2

CuuDuongThanCong.com
https://fb.com/tailieudientucntt